

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương Mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28 tháng 12 năm 1982 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Quyết định số 329/QĐ-CT ngày 13 tháng 4 năm 2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du lịch Tây Ninh và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 5 tháng 02 năm 2007.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 3900244068 vào ngày 26 tháng 12 năm 2011.

- **Vốn điều lệ** : 45.702.100.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	197.880	1.978.800.000	4,33
Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh	150.000	1.500.000.000	3,28
Ông Nguyễn Thái Bình	3.100	31.000.000	0,07
Ông Lê Văn Liêm	2.900	29.000.000	0,06
Ông Lê Hữu Phước	2.900	29.000.000	0,06
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	3.544.230	35.442.300.000	77,55
Các cổ đông khác	669.200	6.692.000.000	14,65
Cộng	4.570.210	45.702.100.000	100,00

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : (84 - 66) 3.822.538

Fax : (84 - 66) 3.828.645

Email : tanitour@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 3900244068

- **Ngành, nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh mua bán và thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Công ty con**

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo. Cho thuê quảng cáo trên panô, cabin và trụ tháp thuộc địa bàn Công ty quản lý	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, nhà hàng...) và các dịch vụ tăng cường sức khỏe khác	53,87% (trong đó: 51% trực tiếp, 2,87% gián tiếp)	53,87%
Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành	86,06% (trong đó: 84,27% trực tiếp, 1,80% gián tiếp)	86,06%

Các Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh (*)	59 Hoàng Lê Kha, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất nước khoáng	27,65% (trong đó: 20% trực tiếp, 7,65% gián tiếp)	27,65%
Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh	Km28 Quốc lộ 22B, Xã Long Thành Nam, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất gạch ngói	36,27%	36,27%

(*) Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã hoàn tất thủ tục giải thể trong năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Từ nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch		30/9/2012
Ông Lê Hữu Phước	Phó Chủ tịch	01/10/2012	
Ông Lê Văn Liêm	Chủ tịch	01/10/2012	
Ông Lê Văn Liêm	Phó Chủ tịch		30/9/2012
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên		30/9/2012
Ông Trần Cảnh Lạc	Thành viên		30/9/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Từ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Sừ	Thành viên		30/9/2012
Ông Lê Trung Dương	Thành viên	01/10/2012	
Ông Lê Trung Nam	Thành viên	01/10/2012	
Bà Nguyễn Thị Phúc	Thành viên	01/10/2012	
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Ông Lê Trung Dương	Trưởng ban		30/9/2012
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên		30/9/2012
Ông Đặng Văn Hoàng	Trưởng ban	01/10/2012	
Bà Võ Thị Thanh Bình	Thành viên	01/10/2012	
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc		
Ông Lê Văn Liêm	Phó Giám đốc		
Ông Võ Phước Hồng	Kế toán trưởng		

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 41).

SỰ KIỆN SAU NGÀY SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



LÊ HỮU PHƯỚC - Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 8 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được lập ngày 8 tháng 3 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2013



VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0474/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.303.471.929	179.767.672.576
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	77.755.643.688	162.329.962.168
1. Tiền	111		18.805.643.688	13.762.984.174
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.950.000.000	148.566.977.994
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.390.555.094	4.924.266.264
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	807.427.156	1.187.041.491
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	14.216.578.580	1.522.631.185
3. Các khoản phải thu khác	133	V.4	5.376.549.358	2.214.593.588
4. Dự phòng phải thu khó đòi	134	V.4	(10.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		9.371.632.667	10.107.142.013
Hàng tồn kho	141	V.5	9.371.632.667	10.107.142.013
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.785.640.480	2.406.302.131
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	742.040.216	205.690.171
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.000.184.344	260.588.316
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.17	61.952.843	182.308.105
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.981.463.077	1.757.715.539
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		130.317.671.472	20.453.737.161
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		122.306.551.506	12.067.038.734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	11.780.469.800	10.143.974.071
Nguyên giá	222		83.830.160.704	82.618.630.377
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.049.690.904)	(72.474.656.306)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	225.000.000
Nguyên giá	228		-	225.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	110.526.081.706	1.698.064.663
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.760.325.897	4.951.538.996
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	4.760.325.897	4.951.538.996
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.250.794.069	3.435.159.431
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.110.683.217	2.466.478.736
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	680.110.852	758.680.695
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	460.000.000	210.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		241.621.143.401	200.221.409.737

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		21.364.159.912	25.895.685.945
I. Nợ ngắn hạn	310		14.402.037.396	24.423.893.184
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	376.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.15	1.177.974.666	1.473.095.714
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	100.112.005	136.898.122
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	3.576.028.520	10.488.911.654
5. Phải trả người lao động	315		4.911.962.535	4.561.771.712
6. Chi phí phải trả	316	V.18	864.185.259	664.120.389
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.545.854.486	5.902.722.562
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	849.919.925	1.196.373.031
II. Nợ dài hạn	330		6.962.122.516	1.471.792.761
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	214.515.500	125.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	5.395.285.000	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	1.293.330.465	1.291.537.470
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		58.991.551	55.255.291
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.857.389.780	104.833.948.457
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	128.857.389.780	104.833.948.457
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.702.089.498	45.702.089.498
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		52.405.513.222	24.841.886.134
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.324.117.665	5.565.375.048
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.425.669.395	28.724.597.777
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		91.399.593.709	69.491.775.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241.621.143.401	200.221.409.737

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ: Dollar Mỹ (USD)		4.532,44	5.091,06

Tây Ninh, ngày 8 tháng 3 năm 2013


LÊ HỮU PHƯỚC
 Tổng Giám đốc


VÕ PHƯỚC HỒNG
 Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		215.290.487.879	179.020.899.254
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(237.983.916)	(252.823.426)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	215.052.503.963	178.768.075.828
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(125.238.083.660)	(103.760.499.700)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.814.420.303	75.007.576.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.520.225.677	21.890.567.879
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.393.611.222)	(118.384.277)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(28.417.031)	(93.384.277)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	(20.063.396.732)	(20.038.534.296)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	(13.173.064.980)	(10.828.382.818)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.704.573.046	65.912.842.616
11. Thu nhập khác	31		3.523.652.445	8.052.469.883
12. Chi phí khác	32		(1.951.096.474)	(4.100.522.923)
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	1.572.555.971	3.951.946.960
14. Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh	45	VI.8	53.097.089	(1.712.423.505)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72.330.226.106	68.152.366.071
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	(18.527.003.036)	(16.757.222.960)
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(78.569.843)	569.968.575
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>53.724.653.227</u>	<u>51.965.111.686</u>
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		26.877.293.872	23.936.838.404
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<u>26.847.359.355</u>	<u>28.028.273.282</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>5.874</u>	<u>6.133</u>

Tây Ninh, ngày 8 tháng 3 năm 2013

LÊ HỮU PHƯỚC

Tổng Giám đốc

VÕ PHƯỚC HỒNG

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		72.330.226.106	68.152.366.071
Điều chỉnh cho các khoản:			-	
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.027.962.474	1.378.875.498
- Các khoản dự phòng	03		10.000.000	(45.900.000)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(104.104)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(15.491.408.597)	(15.716.692.911)
- Chi phí lãi vay	06		28.417.031	93.384.277
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.905.092.910	53.862.032.935
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	VII	(4.285.366.065)	2.405.228.447
- Giảm/ (Tăng) hàng tồn kho	10		735.509.346	(1.753.607.019)
- Giảm các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải trả)	11	VII	(1.061.856.571)	(13.807.015.405)
- Giảm chi phí trả trước	12		(180.554.526)	(1.208.686.551)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VII	(153.100.848)	(93.384.277)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(25.676.864.595)	(12.521.720.476)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		70.277.965.519	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(75.983.073.787)	(5.126.915.416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.577.751.383	21.755.932.238
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(125.221.547.590)	(1.909.683.277)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.113.630.085	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.712.423.505)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		507.527.338	102.339.643.505
- Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cổ tức	27		16.188.547.200	22.432.868.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(106.411.842.967)	121.150.405.614
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.256.285.000	15.200.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.485.000.000)	(15.200.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(5.511.616.000)	(1.617.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		259.669.000	(1.617.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(84.574.422.584)	141.289.127.852
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		162.329.962.168	21.040.834.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		104.104	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	77.755.643.688	162.329.962.168

Tây Ninh, ngày 8 tháng 3 năm 2013


LÊ HỮU PHƯỚC
Tổng Giám đốc


VÕ PHƯỚC HỒNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ - Thương mại
- 3. Ngành, nghề kinh doanh** :

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh mua bán và thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty (bao gồm nhân viên của các Công ty con) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 240 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 254 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 6 của Công ty dưới hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào Công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và dài hạn, phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	3 - 6

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí cần thiết để đầu tư cho các dự án bao gồm toàn bộ chi phí khảo sát thiết kế, mua mới thiết bị, chi phí xây dựng,.. phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, mua bảo hiểm trả trước, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

Trả trước tiền thuê đất

Trả trước tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Bảo hiểm xe trả trước

Khoản chi phí bảo hiểm xe trả trước trong thời gian 3 năm, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo thời gian của hợp đồng mua bảo hiểm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí đánh giá tái chứng nhận hệ thống ISO và chi phí sửa chữa. Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà ga, chi phí thay cáp,... Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 2 đến 3 năm.

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.740.110.930	1.431.661.442
Tiền gửi ngân hàng	15.065.532.758	12.331.322.732
Các khoản tương đương tiền (*)	58.950.000.000	148.566.977.994
Cộng	77.755.643.688	162.329.962.168

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 9%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: lãi suất 14%/năm).

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Xa Pha	60.560.000	74.261.000
Ban Quản lý Khu Di tích Lịch sử Văn hóa Danh thắng và Du lịch núi Bà Đen	156.000.000	45.400.000
Công ty TNHH Lê Thiên Khang	37.070.000	13.549.898
Tạp hóa Quang Dũng	91.800.000	-
Đại lý Thanh Bình	34.870.000	-
Công ty Bảo hiểm Pijico Tây Ninh	26.305.755	28.890.330
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	107.405.400	-
Phải thu các khách hàng khác	293.416.001	1.024.940.263
Cộng	807.427.156	1.187.041.491

3. Trả trước cho người bán

Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn - Ga Sài Gòn	4.730.000	17.080.000
Công ty TNHH Yên Phương	13.634.665.620	-
Trung tâm Quản lý và Phát triển Quỹ đất tỉnh Tây Ninh	354.316.925	354.316.925
Trả trước người bán khác	222.866.035	1.151.234.260
Cộng	14.216.578.580	1.522.631.185

4. Các khoản phải thu khác

Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	301.070.830	1.349.911.113
Công ty Bảo hiểm Pijico Tây Ninh	34.665.577	1.101.998
Phải thu Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền	-	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Sáng	25.000.000	25.000.000
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây ninh	337.220.000	-
Các khoản phải thu khác	4.678.592.951	818.580.477
Cộng	5.376.549.358	2.214.593.588
Dự phòng phải thu phải thu khác khó đòi	(10.000.000)	-
Các khoản phải thu thuần khác	5.366.549.358	2.935.892.588

5. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu	1.536.431.928	1.360.767.538
Công cụ, dụng cụ tồn kho	3.426.716.782	3.360.786.295
Hàng hóa tồn kho	4.408.483.957	5.384.552.841
Hàng gửi đi bán	-	1.035.339
Cộng	9.371.632.667	10.107.142.013

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	77.548.419	25.977.274	91.875.693	11.650.000
Chi phí sửa chữa, bảo hành	77.571.000	701.673.429	192.368.756	586.875.674
Chi phí in vé	36.809.752	297.000.000	229.435.150	104.374.602
Chi phí thuê kho	-	272.727.264	272.727.264	-
Chi phí khác	13.761.000	124.636.500	99.257.560	39.139.941
Cộng	205.690.171	1.422.014.467	885.664.422	742.040.216

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	311.029.367	311.029.367
Tạm ứng nhân viên	256.531.500	383.164.750
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.413.902.210	1.063.521.422
Cộng	1.981.463.077	1.757.715.539

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	77.548.419	25.977.274	91.875.693	11.650.000
Chi phí sửa chữa, bảo hành	77.571.000	701.673.429	192.368.756	586.875.674
Chi phí in vé	36.809.752	297.000.000	229.435.150	104.374.602
Chi phí thuê kho	-	272.727.264	272.727.264	-
Chi phí khác	13.761.000	124.636.500	99.257.560	39.139.941
Cộng	205.690.171	1.422.014.467	885.664.422	742.040.216

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	311.029.367	311.029.367
Tạm ứng nhân viên	256.531.500	383.164.750
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.413.902.210	1.063.521.422
Cộng	1.981.463.077	1.757.715.539

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	29.222.550.627	48.698.552.016	3.382.809.114	1.002.338.975	312.379.645	82.618.630.377
Tăng trong năm	992.185.684	1.871.434.738	1.390.318.708	14.454.545	29.169.000	4.297.562.675
Giảm trong năm	378.947.231	1.864.020.237	532.428.000	260.858.466	49.778.414	3.086.032.348
Số cuối năm	29.835.789.080	48.705.966.517	4.240.699.822	755.935.054	291.770.231	83.830.160.704
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	22.170.703.030	46.641.153.306	2.493.456.690	882.110.392	287.232.888	72.474.656.306
Khấu hao trong năm	504.950.500	276.536.649	184.691.896	56.447.738	5.335.691	1.027.962.474
Hao mòn giảm trong năm	322.486.003	288.707.628	532.428.000	259.527.831	49.778.414	1.452.927.876
Số cuối năm	22.353.167.527	46.628.982.327	2.145.720.586	679.030.299	242.790.165	72.049.690.904
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.051.847.597	2.057.398.710	889.352.424	120.228.583	25.146.757	10.143.974.071
Số cuối năm	7.482.621.553	2.076.984.190	2.094.979.236	76.904.755	48.980.066	11.780.469.800
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	13.276.698.628	45.556.156.632	2.231.799.086	736.981.824	253.552.595	62.055.188.765
Số cuối năm	13.279.352.240	45.810.213.227	1.699.371.086	539.570.631	233.601.231	61.562.108.415

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Mặt bằng trạm Mộc Bài	184.404.747	-	-	184.404.747
KDL Ma Thiên Lãnh	165.000.000	-	-	165.000.000
Đo đạc phòng kinh doanh	5.334.000	-	5.334.000	-
Chợ đường biên cửa khẩu Xa Mát	15.999.000	513.540.908	-	529.539.908
Khu nhà nghỉ Hòa Bình		10.602.380	-	10.602.380
Nhà Hàng tiệc cưới 1000 chỗ	-	426.825.957	-	426.825.957
Mái tol lối tiếp phẩm NH 1.000 chỗ	-	256.345.455	256.345.455	-
Cải tạo 10 phòng B1	-	127.600.916	-	127.600.916
XD khối B3	-	89.095.829	-	89.095.829
Cải tạo Khách sạn hòa Bình (phần dưới hội trường, phòng v.v)	-	141.965.454	-	141.965.454
Đường điện Trung hạ thế & Trạm 3 pha	-	580.595.981	580.595.981	-
Hệ thống thoát nước KSHB 2012	-	111.513.711	111.513.711	-
Lợp mái tol sân thượng	-	316.987.545	316.987.545	-
Xây mới nhà VS NH 2012	-	80.728.791	80.728.791	-
Cải tạo nhà vệ sinh Nhà Hàng nhỏ	-	95.891.811	-	95.891.811
Sửa nhà vệ sinh công cộng	-	60.038.364	60.038.364	-
Chi phí đầu tư hệ thống cáp treo mới	1.202.623.631	107.427.827.788		108.630.451.419
Các công trình khác	124.703.285	-	-	124.703.285
Cộng	1.698.064.663	110.239.560.890	1.411.543.847	110.526.081.706

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo. Cho thuê quảng cáo trên panô, cabin và trụ tháp thuộc địa bàn Công ty quản lý	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, nhà hàng...) và các dịch vụ tăng cường sức khỏe khác	53,87% (trong đó: 51% trực tiếp, 2,87% gián tiếp)	53,87%
Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành	86,06% (trong đó: 84,27% trực tiếp, 1,80% gián tiếp)	86,06%

11. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các Công ty liên kết	3.709.415.000	7.209.415.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh (1)	-	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh (2)	3.709.415.000	3.709.415.000
Phần lợi nhuận, cổ tức (lỗ) đã ghi nhận	1.050.910.897	(2.257.876.004)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh (1)	-	(2.698.331.640)
Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh (2)	1.050.910.897	440.455.636
Cộng	4.760.325.897	4.951.538.996

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (1) Khoản đầu tư vào thành lập Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh với giá trị vốn góp là 3.500.000.000 VND, trong đó, Công ty góp vốn trực tiếp 2.000.000.000 VND chiếm 20% vốn điều lệ của Công ty và Công ty góp vốn gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh là 1.500.000.00 VND chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty này (tỷ lệ sở hữu gián tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh là 7,65%). Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước khoáng. Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã hoàn tất việc thanh lý tài sản và giải thể. Trong đó, số tiền mà Công ty đã thu hồi được là 507.527.338 VND, lỗ đầu tư là 2.992.472.662 VND, đồng thời tất toán khoản dự phòng đã lập từ các năm trước và ghi nhận bổ sung thêm lỗ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm là 294.141.022 VND (xem Thuyết minh số VI.4).
- (2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh với giá trị vốn góp là 3.709.415.000 VND, chiếm tỷ lệ 36,27% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói.

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đã được điều chỉnh tăng tương ứng với phần sở hữu của Công ty là 1.050.910.897 VND (trong đó, lợi nhuận năm 2012 của Công ty liên kết là 53.097.089 VND và phần lợi nhuận của các năm trước là 997.813.808 VND).

Thông tin tài chính tóm tắt về Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng tài sản	15.953.794.443	5.075.863.095
Tổng công nợ	2.827.960.185	2.222.251.984
Tài sản thuần	13.125.834.258	2.853.611.111
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào Công ty liên kết	4.760.325.897	4.777.445.541
Phần tài sản thuần chưa được ghi nhận	-	627.574.905
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào Công ty liên kết đã được ghi nhận	4.760.325.897	4.149.870.636
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	12.283.918.422	12.129.917.865
Lợi nhuận thuần	146.406.698	985.435.734
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	53.097.089	359.403.692

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Bảo hiểm xe trả trước	8.895.750	-	3.953.668	4.942.082
Chi phí thuê đất	14.933.325	24.700.000	17.950.008	21.683.317
Công cụ, dụng cụ	2.418.635.260	452.198.695	819.792.137	2.051.041.818
Các chi phí khác	24.014.401	18.016.000	9.014.401	33.016.000
Cộng	2.466.478.736	494.914.695	850.710.214	2.110.683.217

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	758.680.695	188.712.120
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(78.569.843)	569.968.575
Số cuối năm	680.110.852	758.680.695

14. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ bán vé tàu, máy bay	<u>460.000.000</u>	<u>210.000.000</u>
--------------------------------------	--------------------	--------------------

15. Phải trả người bán

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	123.498.301	225.645.760
Bà Nguyễn Thị Tuyết	94.980.000	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	84.100.000	-
Bà Nguyễn Thị Lan Chi	77.521.000	90.275.000
Bà Nguyễn Thị Phượng	77.207.000	81.573.000
Bà Phan Thị Ngọc Mai	65.046.000	14.085.000
Phải trả người bán khác	655.622.365	1.061.516.954
Cộng	1.177.974.666	1.473.095.714

16. Người mua trả tiền trước

Các khách hàng mua toure du lịch trả tiền trước	100.112.005	136.898.122
Cộng	100.112.005	136.898.122

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ trong nước	282.554.727	7.623.516.318	7.726.653.818	179.417.227
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	28.497.016	28.039.142	457.874
Thuế nhập khẩu	-	25.490.129	25.490.129	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.181.832.563	18.527.003.036	25.676.864.595	3.031.971.004
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(182.308.105)	851.446.237	731.090.975	(61.952.843)
Các loại thuế khác	24.524.364	2.444.861.624	2.105.203.573	364.182.415
- Thuế môn bài	-	10.500.000	10.500.000	-
- Tiền thuế đất	-	1.201.527.943	867.296.011	334.231.932
- Thuế nhà thầu	-	829.694.198	829.694.198	-
- Phạt hành chính	3.000.000	164.221.319	158.509.319	8.712.000
- Thuế khác	21.524.364	238.918.164	239.204.045	21.238.483
Cộng	10.306.603.549	29.500.814.360	36.293.342.232	3.514.075.677

(*) Số thuế phải thu được trình bày ở chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước”.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**
Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.
Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
Thuế suất áp dụng : 10%
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Xem Thuyết minh số VI.8
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	31.689.875	-
Chi phí khoán phòng kinh doanh	108.163.616	121.622.921
Lương và các khoản thưởng	-	359.984.091
Trợ cấp mất việc làm chưa chi	14.617.037	-
Các chi phí dịch vụ phải trả khác	709.714.731	182.513.377
Cộng	<u>864.185.259</u>	<u>664.120.389</u>

19. Các khoản phải trả phải, nộp khác

Kinh phí công đoàn	74.853.745	90.969.935
Bảo hiểm phải nộp	12.236.915	2.743.163
Bảo hành công trình	38.781.550	49.811.550
Nhận tiền thế chấp vỏ chai	1.613.250.682	1.550.770.430
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	551.226.000	721.299.000
Phải trả tiền di dời hàng rào mặt tiền Khách sạn	23.379.990	23.379.990
Thu tiền phát hành cổ phiếu	-	2.953.000.000
Cổ tức phải trả	34.580.000	61.944.000
Các khoản phải trả khác	197.545.604	448.804.494
Cộng	<u>2.545.854.486</u>	<u>5.902.722.562</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập từ lợi nhuận (*)</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi các quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.196.373.031	3.724.306.702	3.778.968	(4.074.538.776)	849.919.925
Cộng	<u>1.196.373.031</u>	<u>3.724.306.702</u>	<u>3.778.968</u>	<u>(4.074.538.776)</u>	<u>849.919.925</u>

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế tại Thuyết minh số V.19.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ từ nhân viên bán hàng	<u>214.515.500</u>	<u>125.000.000</u>

22. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành	<u>5.395.285.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>5.395.285.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có khoản vay 7 năm tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành theo Hợp đồng tín dụng số 2012/0001080/HĐTD ngày 16 tháng 8 năm 2012 và Hợp đồng tín dụng bổ sung số 01/BSHĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 8.200.000.000 VND. Khoản vay chịu mức lãi suất 13%/năm và được trả theo từng lần nhận nợ vào ngày 16 hằng tháng. Công ty sử dụng quyền sử dụng 15.521,3 m² đất kinh doanh của Công ty và khách sạn, nhà hàng 1.000 chỗ (đang thi công) với giá trị tài sản đảm bảo 17.740.000.000 VND được chi tiết cụ thể theo Hợp đồng đảm bảo số 12023082 ngày 6 tháng 8 năm 2012 và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 01/BSHĐTC ngày 9 tháng 11 năm 2012.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Trong vòng một năm	376.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.935.000.000	-
Sau năm năm	<u>2.460.285.000</u>	<u>-</u>
	5.771.285.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>376.000.000</u>	<u>-</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.395.285.000</u>	<u>-</u>

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.291.537.470	1.164.219.279
Số trích lập trong năm	194.459.816	214.889.641
Số chi trong năm	<u>192.666.821</u>	<u>87.571.450</u>
Số cuối năm	<u>1.293.330.465</u>	<u>1.291.537.470</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

24. Vốn chủ sở hữu**Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	45.702.089.498	24.841.886.134	5.565.375.048	28.724.597.777	104.833.948.457
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.847.359.355	26.847.359.355
Chi thù lao HĐQT, Ban KS	-	-	-	(535.000.000)	(535.000.000)
Trích lập các quỹ	-	27.563.627.088	1.767.497.617	(22.405.769.035)	6.925.355.670
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.721.266.702)	(3.721.266.702)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính trong năm	-	-	(8.755.000)	-	(8.755.000)
Số cuối năm	45.702.089.498	52.405.513.222	7.324.117.665	23.425.669.395	128.857.389.780

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm và đầu năm		Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Chênh lệch
	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)	
Tỷ lệ					
4,33	197.880	1.978.800.000	197.880	1.978.800.000	-
3,28	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000	-
0,07	3.100	31.000.000	3.100	31.000.000	-
0,06	2.900	29.000.000	2.900	29.000.000	-
0,06	2.900	29.000.000	2.900	29.000.000	-
77,55	3.544.230	35.442.300.000	3.544.230	35.442.300.000	-
14,65	669.199	6.691.989.498	669.200	6.692.000.000	(1)
100,00	4.570.209	45.702.089.498	4.570.210	45.702.100.000	(1)

Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh
 Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh

Ông Nguyễn Thái Bình

Ông Lê Văn Liêm

Ông Lê Hữu Phước

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước

Các cổ đông khác

Cộng

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	4.570.209	4.570.209
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.570.209	4.570.209
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.209	4.570.209
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.570.209	4.570.209
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	215.290.487.879	179.020.899.254
Doanh thu hoạt động thương mại	113.990.343.076	90.657.688.074
Doanh thu hoạt động vận chuyển	77.306.521.892	63.109.252.852
Doanh thu hoạt động nhà hàng, khách sạn	14.863.445.009	18.223.529.012
Doanh thu hoạt động du lịch, lữ hành	9.130.177.902	7.030.429.316
Các khoản giảm trừ	(237.983.916)	(252.823.426)
Giảm doanh thu hoạt động nhà hàng, khách sạn	(237.983.916)	(252.823.426)
Tổng doanh thu thuần	215.052.503.963	178.768.075.828

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động thương mại	62.137.941.594	40.674.746.426
Giá vốn hoạt động vận chuyển	1.828.802.820	2.207.645.035
Giá vốn hoạt động nhà hàng, khách sạn	53.748.509.948	55.010.343.019
Giá vốn hoạt động du lịch, lữ hành	7.522.829.298	5.867.765.220
Cộng	125.238.083.660	103.760.499.700

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	15.139.706.917	19.769.204.252
Cổ tức	337.220.000	1.679.380.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	117.456	8.263.491
Doanh thu tài chính khác	43.181.304	433.720.136
Cộng	15.520.225.677	21.890.567.879

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.417.031	93.384.277
Lỗ đầu tư tài chính	294.141.022	25.000.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.352	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.071.039.817	-
Cộng	1.393.611.222	118.384.277

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	13.356.412.309	12.885.553.318
Chi phí nguyên vật liệu	338.493.557	544.610.539
Chi phí dụng cụ đồ dùng	412.570.895	327.511.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	301.620.237	592.003.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.507.050.963	1.000.941.844
Chi phí bằng tiền khác	4.147.248.771	4.687.912.970
Cộng	20.063.396.732	20.038.534.296

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	8.368.106.807	6.890.253.966
Chi phí vật liệu	35.755.670	29.677.480
Chi phí công cụ, dụng cụ	98.062.367	54.867.686
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.442.531	86.587.789
Thuế phí và lệ phí	1.263.291.365	360.520.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.131.410	548.528.890
Chi phí bằng tiền khác	2.558.274.830	2.857.946.400
Cộng	13.173.064.980	10.828.382.818

7. Lợi nhuận từ hoạt động khác

Thu thanh lý TSCĐ	2.113.630.085	6.934.870.786
Xử lý công nợ phải trả	664.131.718	-
Thu nhập khác	745.890.642	1.117.599.097
Thu nhập khác	3.523.652.445	8.052.469.883
	-	-
GTCL của TSCĐ đã thanh lý	1.858.104.472	3.627.260.006
Chi phí khác	92.992.002	473.262.917
Chi phí khác	1.951.096.474	4.100.522.923
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	1.572.555.971	3.951.946.960

8. Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	-	(2.071.827.197)
Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh	53.097.089	359.403.692
Cộng	53.097.089	(1.712.423.505)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.330.226.106	68.152.366.071
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(136.507.852)	(1.123.474.234)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	309.181.984	1.803.064.147
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	305.365.555	463.559.621
- Lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	3.816.429	1.339.504.526
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(445.689.836)	(2.926.538.381)
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	(392.592.747)	(4.638.961.886)
- Phần (lợi nhuận)/ lỗ trong Công ty liên kết	(53.097.089)	1.712.423.505
Tổng thu nhập chịu thuế	72.193.718.254	67.028.891.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất	18.478.119.430	16.757.222.960
Thuế TNDN được giảm	(147.601.344)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	196.484.950	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.527.003.036	16.757.222.960

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2012, Công ty đã được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính đối với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ cho phần thu nhập chịu thuế trong năm của các Công ty con (Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh và Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh).

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	26.847.359.355	28.028.273.282
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.847.359.355	28.028.273.282
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	4.570.209	4.570.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.874	6.133
(*) Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.570.209	4.570.209
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.570.209	4.570.209

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.976.818.677	93.367.328.744
Chi phí nhân công	22.303.598.424	20.202.639.590
Chi phí khấu hao	1.027.962.474	1.379.378.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.197.350.831	11.657.311.521
Chi phí bằng tiền khác	7.968.814.966	8.020.758.061
Cộng	158.474.545.372	134.627.416.814

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức còn phải trả	34.580.000	61.944.000
Chi phí lãi vay phải trả	31.689.875	-
Lãi tiền gửi phải thu	301.070.830	1.349.911.113
Chi phí đầu tư hệ thống cáp treo mới chưa thanh toán	142.809.000	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức còn phải trả cuối năm trước đã trả trong năm	61.944.000	254.105.500
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu cuối năm trước đã thu trong năm	1.349.911.113	2.229.178.082
Trả trước cho người bán chi phí xây dựng cơ bản	12.395.150.564	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Ngày 28 tháng 6 năm 2012 UBND tỉnh Tây Ninh có ký lại Hợp đồng thuê đất với Công ty với nội dung điều chỉnh tăng giá tiền thuê đất tính từ đầu năm 2011. Công ty đã gửi Công văn lên UBND tỉnh Tây Ninh đề nghị xem xét giảm 50% cho tiền thuê đất phải nộp thêm trong năm 2011 nhưng đến nay vẫn chưa được sự chấp thuận. Tổng số tiền thuê đất phải nộp thêm năm 2011 chưa nộp đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.304.389.723 VND đang đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh xem xét giảm, Công ty chưa ghi nhận khoản tiền này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2. Cam kết vốn

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết chi đầu tư cho dự án hệ thống cáp treo mới cho Núi Bà và các công trình cải tạo, nâng cấp Khách sạn Hòa Bình như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án hệ thống cáp treo mới tại Núi Bà Tây Ninh	48.685.175.642	206.410.519.369
Các công trình cải tạo, nâng cấp Khách sạn Hòa Bình	1.887.085.184	-
Cộng	50.572.260.826	206.410.519.369

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kết toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng một năm	2.279.727.833	1.104.522.985
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	8.083.274.961	8.085.820.410
Trên 5 năm	71.861.218.180	73.865.673.283
Cộng	<u>82.224.220.974</u>	<u>83.056.016.678</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê kho Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Tây Ninh theo Hợp đồng thuê kho số 02/HĐTK ngày 4 tháng 01 năm 2012, thời gian thuê là 24 tháng kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2012, đơn giá thuê là 25.000.000 VND/tháng (bao gồm thuế).
- Hợp đồng thuê đất ở hai vị trí tương ứng với 5.011,00 m² và 10.635,20 m² cho UBND tỉnh Tây Ninh để kinh doanh nhà hàng, khách sạn của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh theo Hợp đồng thuê đất số 0416/HĐ-TĐ ngày 28 tháng 6 năm 2012 với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2002, đơn giá thuê tương ứng là 201.600 VND/m²/năm và 60.480 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 05/05HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh về việc thuê 2 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2007, chi tiết cụ thể:
 - + Diện tích đất 19.093,8 m² tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 2.786,875 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 1.393,4375 VND/m²/năm;
 - + Diện tích đất 266.041,1 m² tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 1.564,0625 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá là 782,03125 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 8 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m² đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê 50 năm từ ngày 31 tháng 3 năm 2009, đơn giá thuê là 5.424 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh theo Hợp đồng thuê ngày 9 tháng 5 năm 2009 với ký ông Huỳnh Thanh Phong, thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2009 và đơn giá thuê là 4.000.000 VND/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:***Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh
 Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh
 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Cổ đông sáng lập, chiếm 77,55% vốn góp

Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh		
Cổ tức đã thu	-	674.440.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh		
Thu hồi vốn đầu tư	507.527.338	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước		
Cổ tức đã trả	4.253.037.426	3.537.342.540
Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh		
Cổ tức phải thu	337.220.000	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh		
Phải thu khác	-	20.000.000
<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	2.296.996.066	2.300.913.151
Cộng	2.296.996.066	2.300.913.151

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Hoạt động thương mại, hoạt động vận chuyển, hoạt động nhà hàng, khách sạn và hoạt động du lịch, lữ hành. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 4 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận hoạt động thương mại: Đây là hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh. Hiện nay, Công ty chủ yếu kinh doanh mua bán bia, nước giải khát và hàng nông sản (hạt điều);
- Bộ phận hoạt động vận chuyển: Đây là hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh. Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh thực hiện vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo;
- Bộ phận hoạt động nhà hàng, khách sạn: Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh thực hiện kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, nhà hàng...) và các dịch vụ tăng cường sức khỏe khác...
- Bộ phận hoạt động du lịch, lữ hành: Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh thực hiện tổ chức các tour du lịch nội địa và quốc tế; Bán vé máy bay nội địa và quốc tế của các hãng hàng không; Đại lý bán vé tàu hỏa, xe chất lượng cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Bộ phận hoạt động				Cộng
	Bộ phận hoạt động thương mại	Bộ phận hoạt động vận chuyển	Bộ phận hoạt động nhà hàng, khách sạn	Bộ phận hoạt động du lịch, lữ hành	
Tài sản					
Tài sản bộ phận	31.501.819.602	176.492.947.661	25.163.312.547	3.953.978.851	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	4.760.325.897	-	-	-	4.760.325.897
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	(251.241.157)
Tổng tài sản	36.262.145.499	176.492.947.661	25.163.312.547	3.953.978.851	241.621.143.401
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	3.697.803.777	9.013.358.540	8.319.241.210	584.997.542	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(251.241.157)
Tổng nợ phải trả	3.697.803.777	9.013.358.540	8.319.241.210	584.997.542	21.364.159.912
Số đầu năm					
Tài sản					
Tài sản bộ phận	29.918.689.273	144.557.480.135	17.381.026.396	3.691.756.777	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	4.951.538.996	-	-	-	4.951.538.996
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	(279.081.840)
Tổng tài sản	34.870.228.269	144.557.480.135	17.381.026.396	3.691.756.777	200.221.409.737
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	4.862.551.583	14.822.594.687	6.084.915.625	404.705.890	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(279.081.840)
Tổng nợ phải trả	4.862.551.583	14.822.594.687	6.084.915.625	404.705.890	25.895.685.945

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Bộ phận hoạt động thương mại	Bộ phận hoạt động vận chuyển	Bộ phận hoạt động nhà hàng, khách sạn	Bộ phận hoạt động du lịch, lữ hành	Không phân bổ	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần bộ phận	113.990.343.076	77.306.521.892	14.625.461.093	9.130.177.902	-	215.052.503.963
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	939.011.399	64.180.000	48.645.648.671	-	(49.648.840.070)	-
Tổng doanh thu thuần	114.929.354.475	77.370.701.892	63.271.109.764	9.130.177.902	(49.648.840.070)	215.052.503.963
Chi phí bộ phận	(70.085.782.598)	(18.218.354.260)	(61.176.744.457)	(8.993.664.057)	-	(158.474.545.372)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	(48.643.928.531)	(102.876.835)	(804.110.079)	(104.425.470)	49.655.340.915	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	(3.800.356.654)	59.049.470.797	1.290.255.228	32.088.375	6.500.845	56.577.958.591
Doanh thu hoạt động tài chính bộ phận	1.811.225.923	13.189.580.975	408.734.568	110.684.211	-	15.520.225.677
Chi phí tài chính bộ phận	(321.859.378)	(1.055.182.288)	(16.542.031)	(27.525)	-	(1.393.611.222)
Thu nhập khác bộ phận	1.219.084.330	548.981.593	18.269.889	1.737.316.633	-	3.523.652.445
Chi phí khác bộ phận	(289.516.228)	(58.366.908)	(77.002)	(1.603.136.336)	-	(1.951.096.474)
Phân lợi nhuận trong Công ty liên kết	-	-	-	-	53.097.089	53.097.089
Lợi nhuận trước thuế	(1.381.422.007)	71.674.484.169	1.700.640.652	276.925.358	59.597.934	72.330.226.106
Chi phí thuế TNDN hiện hành bộ phận	-	(18.177.289.307)	(299.205.292)	(50.508.437)	-	(18.527.003.036)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại bộ phận	-	(79.366.300)	-	-	-	(79.366.300)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại liên quan đến các bộ phận	429.606	-	366.851	-	-	796.457
Lợi nhuận sau thuế	(1.380.992.401)	53.417.828.562	1.401.802.211	226.416.921	59.597.934	53.724.653.227

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Bộ phận hoạt động thương mại	Bộ phận hoạt động vận chuyển	Bộ phận hoạt động nhà hàng, khách sạn	Bộ phận hoạt động du lịch, lữ hành	Không phân bổ	Cộng
Năm trước						
Doanh thu thuần bộ phận	90.657.688.074	63.109.252.852	17.970.705.586	7.030.429.316	-	178.768.075.828
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	719.608.307	-	45.846.246.089	-	(46.565.854.396)	-
Tổng doanh thu thuần	91.377.296.381	63.109.252.852	63.816.951.675	7.030.429.316	(46.565.854.396)	178.768.075.828
Chi phí bộ phận	(49.136.833.337)	(16.702.321.305)	(61.886.682.510)	(6.925.417.180)	-	(134.651.254.332)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	(45.846.246.089)	-	(718.220.807)	(1.387.500)	46.565.854.396	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	(3.605.783.045)	46.406.931.547	1.212.048.358	103.624.636	-	44.116.821.496
Doanh thu hoạt động tài chính bộ phận	3.423.983.496	18.072.761.122	305.882.399	87.940.862	-	21.890.567.879
Chi phí tài chính bộ phận	(89.138.890)	-	(29.245.387)	-	-	(118.384.277)
Thu nhập khác bộ phận	7.761.602.822	277.923.435	12.439.291	24.341.853	-	8.076.307.401
Chi phí khác bộ phận	(4.018.582.654)	(81.648.838)	(290.931)	(500)	-	(4.100.522.923)
Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	(1.712.423.505)	(1.712.423.505)
Lợi nhuận trước thuế	3.472.081.729	64.675.967.266	1.500.833.730	215.906.851	(1.712.423.505)	68.152.366.071
Chi phí thuế TNDN hiện hành bộ phận	(460.908.579)	(15.853.620.148)	(389.058.433)	(53.635.800)	-	(16.757.222.960)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại bộ phận	-	235.092.443	-	-	-	235.092.443
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại liên quan đến các bộ phận	334.876.132	-	-	-	-	334.876.132
Lợi nhuận sau thuế	3.346.049.282	49.057.439.561	1.111.775.297	162.271.051	(1.712.423.505)	51.965.111.686

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (tỉnh Tây Ninh).

6. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị số sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.755.643.688	162.329.962.168
Phải thu khách hàng	807.427.156	1.187.041.491
Các khoản phải thu khác	5.366.549.358	2.214.593.588
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.413.902.210	1.063.521.422
Các khoản ký quỹ dài hạn	460.000.000	210.000.000
Cộng	85.803.522.412	167.005.118.669
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	376.000.000	-
Phải trả người bán	1.177.974.666	1.473.095.714
Chi phí phải trả	849.568.222	304.136.298
Phải trả ngắn hạn khác	2.458.763.826	5.809.009.464
Phải trả dài hạn khác	214.515.500	125.000.000
Vay và nợ dài hạn	5.395.285.000	-
Cộng	10.472.107.214	7.711.241.476

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu là mua bán các mặt hàng bia, nước giải khát; tổ chức các tour du lịch, lữ hành; các dịch vụ phục vụ khách tham quan đến Khu Du lịch Núi Bà Tây Ninh và kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh. Ngoài ra, khoản vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành phục vụ cho mục đích cải tạo, nâng cấp Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với lãi suất cố định 13%/năm theo Hợp đồng tín dụng, cho nên, Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của ngoại tệ và lãi suất.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Hoạt động thương mại mua bán các mặt hàng bia và nước giải khát của Công ty chịu rủi ro chủ yếu về giá.

Mặc dù kinh tế Việt Nam năm 2012 gặp nhiều khó khăn, mất ổn định ở một số ngành nghề, tuy nhiên doanh thu hoạt động thương mại của Công ty năm nay tăng 26% tương đương 23.332.655.002 VND so với năm trước, trong đó doanh thu của mặt hàng kinh doanh chủ yếu là bia và nước giải khát chiếm 84% trong tổng doanh thu hoạt động thương mại, tăng 6% tương ứng 5.410.359.506 VND, còn lại doanh thu tăng là mặt hàng hạt điều mới kinh doanh trong năm.

Đề cập đến giá mua vào của mặt hàng bia và nước giải khát, trong năm 2012, giá vốn hàng bán của hoạt động thương mại tăng 53% tương ứng 21.463.195.168 VND so với năm trước, trong đó giá vốn của mặt hàng bia, nước giải khát cũng chiếm 84% trong tổng giá vốn của hoạt động thương mại, và tăng 8% tương ứng 6.655.520.150 VND (còn lại là do giá vốn của mặt hàng hạt điều tăng mới kinh doanh trong năm). Một phần nguyên nhân doanh thu và giá vốn tăng là do giá mua vào của mặt hàng bia, nước giải khát hầu hết đều tăng với tỷ lệ từ 4% đến 18%, cụ thể ở một số loại như: bia 333, bia Heineken lon, bia Tiger lon và nước khoáng Vĩnh Hảo,... Qua khảo sát một số mã hàng có giá trị mua vào chiếm 76% trong tổng giá mua vào của mặt hàng bia, nước giải khát trong năm, thì yếu tố giá mua tăng đã làm giá vốn năm nay cao hơn năm trước 2.408.096.736 VND, chiếm 36% trong tổng tăng của giá vốn mua vào của mặt hàng bia, nước giải khát (phần còn lại chủ yếu là do số lượng tiêu thụ năm nay cao hơn).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với khoản phải thu khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)Các khoản phải thu khác

Phần lớn là các khoản dự thu cổ tức từ các Công ty con, Công ty liên kết, cho nên không có rủi ro đáng kể.

Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Đây là các khoản tiền Công ty ký quỹ làm đại lý bia, nước giải khát cho các nhà cung cấp để đảm bảo mua hàng và các khoản ký quỹ để làm đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa,.. cho hoạt động kinh doanh, rủi ro không đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối năm	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Vay và nợ ngắn hạn	376.000.000	-	-	376.000.000
Phải trả người bán	1.177.974.666	-	-	1.177.974.666
Chi phí phải trả	849.568.222	-	-	849.568.222
Phải trả ngắn hạn khác	2.458.763.826	-	-	2.458.763.826
Phải trả dài hạn khác	-	214.515.500	-	214.515.500
Vay và nợ dài hạn	-	2.935.000.000	2.460.285.000	5.395.285.000
Cộng	4.862.306.714	3.149.515.500	2.460.285.000	10.472.107.214

Số đầu năm	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán	1.473.095.714	-	-	1.473.095.714
Chi phí phải trả	304.136.298	-	-	304.136.298
Phải trả ngắn hạn khác	5.809.009.464	-	-	5.809.009.464
Phải trả dài hạn khác	-	125.000.000	-	125.000.000
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.586.241.476	125.000.000	-	7.711.241.476

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 436, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.755.643.688	-	-	77.755.643.688
Phải thu khách hàng	807.427.156	-	-	807.427.156
Các khoản phải thu khác	5.366.549.358	-	-	5.366.549.358
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.413.902.210	-	-	1.413.902.210
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	460.000.000	-	460.000.000
Cộng	85.343.522.412	460.000.000	-	85.803.522.412

Số đầu năm	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.329.962.168	-	-	162.329.962.168
Phải thu khách hàng	1.187.041.491	-	-	1.187.041.491
Các khoản phải thu khác	2.214.593.588	-	-	2.214.593.588
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.063.521.422	-	-	1.063.521.422
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	210.000.000	-	210.000.000
Cộng	166.795.118.669	210.000.000	-	167.005.118.669

7. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Tây Ninh, ngày 8 tháng 3 năm 2013



LÊ HỮU PHƯỚC
Tổng Giám đốc

VÕ PHƯỚC HỒNG
Kế toán trưởng

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo